

Số: 54/2021/TT-BCA

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2021

THÔNG TƯ

**Quy định về công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế
trong Công an nhân dân**

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ký kết, bảo lưu, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, tổ chức thực hiện điều ước quốc tế; nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, tổ chức thực hiện thỏa thuận quốc tế và các hoạt động khác có liên quan đến công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Công an và Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Công an các đơn vị, địa phương); cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công tác điều ước quốc tế trong Công an nhân dân* là hoạt động có liên quan đến việc ký kết, bảo lưu, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, tổ chức thực hiện điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an.

2. *Công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân* là hoạt động có liên quan đến việc ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, tổ chức thực hiện thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an.

Điều 4. Nguyên tắc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân

1. Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

2. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020.

3. Tạo cơ sở pháp lý hợp tác quốc tế bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4. Tuân thủ trình tự, thủ tục và thẩm quyền đề xuất ký kết và thực hiện điều ước quốc tế theo quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016; đề xuất ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các quy định của Thông tư này.

5. Việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế phải căn cứ khả năng và nguồn lực của Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả.

Điều 5. Quản lý công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân

1. Nội dung quản lý về công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân bao gồm:

a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an;

b) Xây dựng kế hoạch dài hạn và hằng năm về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Bộ Công an;

c) Báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Bộ Công an;

d) Đề xuất, ký kết, sửa đổi, bổ sung, từ bỏ, rút khỏi, bảo lưu, rút bảo lưu, tạm đình chỉ, tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an;

đ) Kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề xuất ký kết điều ước quốc tế do Công an các đơn vị, địa phương đề xuất; kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế do Công an các đơn vị, địa phương đề xuất;

e) Tham gia ý kiến vào dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế do các Bộ, ban, ngành, cơ quan, tổ chức đề xuất;

g) Đánh giá tác động về an ninh, trật tự trong quá trình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định;

h) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân;

i) Tổ chức thống kê, rà soát, hệ thống hóa, lưu trữ, sao lục, dịch, xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu và đăng tải điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân lên Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an;

k) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và pháp luật về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an;

l) Sơ kết, tổng kết tình hình ký kết, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an;

m) Thực hiện hợp tác quốc tế về công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

2. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

Chương II

ĐỀ XUẤT KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VÀ THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Mục 1

ĐỀ XUẤT KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 6. Căn cứ đề xuất và lập kế hoạch ký kết điều ước quốc tế

1. Công an các đơn vị, địa phương khi đề xuất Bộ trưởng về việc ký kết điều ước quốc tế phải căn cứ vào kế hoạch ký kết điều ước quốc tế của Bộ Công an; chỉ đạo của người, cơ quan có thẩm quyền hoặc yêu cầu hợp tác quốc tế về bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Định kỳ hằng năm và năm năm một lần, căn cứ yêu cầu hợp tác quốc tế và theo quy định của pháp luật, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch ký kết điều ước quốc tế của Bộ Công an, báo cáo Bộ trưởng duyệt, ký ban hành.

Điều 7. Nghiên cứu khả năng ký kết điều ước quốc tế

1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này, trước khi đề xuất Bộ trưởng về việc ký kết điều ước quốc tế, Công an các đơn vị, địa phương nghiên cứu:

a) Thực tiễn và nhu cầu hợp tác quốc tế của Việt Nam;

b) Quy định pháp luật Việt Nam, quy định của điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên; quy định pháp luật của quốc gia và pháp luật quốc tế có liên quan;

- c) Dự thảo điều ước quốc tế do phía nước ngoài đề nghị (nếu có);
- d) Dự báo tác động đối với chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh - trật tự, kinh tế - xã hội và các tác động khác đối với Việt Nam;
- đ) Khả năng và nguồn lực của Việt Nam khi ký kết và thực hiện điều ước quốc tế.

2. Trường hợp ký kết điều ước quốc tế có nội dung phức tạp về chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh - trật tự, kinh tế - xã hội, đơn vị đề xuất phải báo cáo Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền về việc xây dựng đề án hoặc báo cáo nghiên cứu khả năng ký kết điều ước quốc tế. Căn cứ kết quả nghiên cứu của đề án hoặc báo cáo, đơn vị đề xuất báo cáo Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xin ý kiến chỉ đạo về việc ký kết điều ước quốc tế trước khi tiến hành các thủ tục ký kết điều ước quốc tế theo quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

Điều 8. Trình tự, thủ tục đề xuất đàm phán điều ước quốc tế

1. Căn cứ kết quả nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này, đơn vị đề xuất thực hiện các quy định tại các điều 8, 9, 10, 11, 12 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

2. Đơn vị đề xuất xây dựng hồ sơ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế gửi xin ý kiến Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, Công an các đơn vị, địa phương có liên quan.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia ý kiến;
- Dự thảo Tờ trình gồm các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016;
- Dự thảo điều ước quốc tế của Việt Nam (tiếng Việt và tiếng nước ngoài);
- Dự thảo điều ước quốc tế của phía nước ngoài (bản dịch tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo phương án đàm phán, nếu việc ký kết điều ước quốc tế được thực hiện trên cơ sở dự thảo của phía nước ngoài;
- Các tài liệu khác có liên quan.

3. Căn cứ ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức và Công an các đơn vị, địa phương, đơn vị đề xuất chỉnh lý hồ sơ và xin ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng.

4. Căn cứ ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng, ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức và Công an các đơn vị, địa phương, đơn vị đề xuất hoàn thiện hồ sơ và gửi 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp để kiểm tra. Thời hạn kiểm tra là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm tra;

- Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này;

- Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng, ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, Công an các đơn vị, địa phương và bản sao các văn bản chỉ đạo, văn bản tham gia ý kiến.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến kiểm tra của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, đơn vị đề xuất hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, báo cáo Bộ trưởng đề xuất với Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.

6. Sau khi Chủ tịch nước hoặc Thủ tướng Chính phủ đồng ý đề xuất đàm phán và ủy quyền đàm phán, đơn vị đề xuất trao đổi với đối tác nước ngoài để thống nhất thời gian, địa điểm đàm phán và cách thức đàm phán; tiến hành thủ tục ủy quyền đàm phán điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 22 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016. Căn cứ văn bản ủy quyền của Chủ tịch nước hoặc Thủ tướng Chính phủ, đơn vị đề xuất báo cáo Bộ trưởng quyết định thành lập đoàn đàm phán.

7. Căn cứ Quyết định thành lập đoàn đàm phán và ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Đối ngoại và Công an các đơn vị, địa phương có liên quan tiến hành tổ chức đàm phán dự thảo điều ước quốc tế và báo cáo Bộ trưởng về nội dung và kết quả đàm phán. Trình tự, thủ tục tổ chức đoàn đi công tác nước ngoài và đón, tiếp khách quốc tế; lễ tân đối ngoại phục vụ việc đàm phán được thực hiện theo quy định của Thông tư số 76/2020/TT-BCA ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các hoạt động đối ngoại Công an nhân dân.

Điều 9. Trình tự, thủ tục đề xuất ký điều ước quốc tế

1. Sau khi kết thúc đàm phán và các bên ký kết thống nhất toàn bộ nội dung điều ước quốc tế, đơn vị đề xuất xây dựng hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế gửi xin ý kiến của cơ quan, tổ chức và Công an các đơn vị, địa phương có liên quan.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia ý kiến;
- Dự thảo Tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 16 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;
- Dự thảo kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế;
- Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế;
- Dự thảo Báo cáo đánh giá sự tương thích của điều ước quốc tế đề xuất ký với điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;